

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



## **NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 - 7
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán:</b>	
Bảng cân đối kế toán	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 38

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà HTT Tower, Số 89 đường Phùng Hưng, P. Phúc La, Q. Hà Đông, Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây (“Công ty”) tiền thân là Công ty vật liệu Điện máy và Chất đốt Hà Tây, được thành lập tháng 10 năm 1991. Đến tháng 10 năm 2003, Công ty Vật liệu Điện máy và Chất đốt Hà Tây được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0303000111 ngày 23/10/2003 và được thay đổi số 0500443384 ngày 16/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 15 ngày 17/7/2018.

Vốn pháp định của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 6.000.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn) tương đương 20.000.000 CP, mệnh giá 10.000 VND/CP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2. Tòa nhà HTT Tower, số 89 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội.

#### **CÁC SỰ KIỆN KHÁC**

Theo Quyết định số 254/QĐ-SGDCM ngày 15/05/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thương mại Hà Tây (Mã HTT) bị đưa vào diện tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 22/05/2020.

Theo Quyết định số 272/QĐ –SGDHN ngày 19/6/2020 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu công ty CP Thương mại Hà Tây tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do vậy, 20.000.000 CP của Công ty Cổ phần thương mại Hà Tây sẽ được giao dịch tại Sàn Upcom kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Đào Văn Chiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Văn Công	Thành viên HĐQT
Nguyễn Đức Đình	Thành viên HĐQT
Đinh Thị Thúy Hằng	Thành viên HĐQT
Trần Thu Phương	Thành viên HĐQT

**Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Lê Thị Mai	Trưởng ban
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên
Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Đào Văn Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Đình	Phó Tổng Giám đốc

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà HTT Tower, Số 89 đường Phùng Hưng, P. Phúc La, Q. Hà Đông, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Đào Văn Chiến**



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 227 /BCKT-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây*

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây

Chúng tôi, công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

- Như đã trình bày ở thuyết minh 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Công ty là 41.585.820.505 VND, nợ phải trả ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn là: 45.698.735.282 VND (Nợ phải trả ngắn hạn là: 99.399.832.083 VND; Tài sản ngắn hạn là: 53.701.096.801 VND). Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty chủ yếu là số dư nợ Ngân sách nhà nước là 18.092.873.112 VND; Nợ gốc vay ngân hàng là 45.681.950.807 VND; lãi vay Ngân hàng ước tính phải trả là 12.391.846.035 VND và các khoản nợ phải trả khác. Mặt khác, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ thư đối chiếu xác nhận số dư tiền vay của các Ngân hàng. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công

ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cấu trúc các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính của công ty kèm theo được lập với giả định công ty tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 12: Tại ngày 31/12/2020 Công ty có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án khu đô thị mới Trung Văn mở rộng là 79.453.592.845 VND. Đến thời điểm kiểm toán công ty chưa cung cấp được tiến độ thực hiện dự án và khả năng quyết toán công trình. Theo công văn số 10350/SXD-PTĐT ngày 02/11/2020 của Sở Xây dựng Hà Nội về việc chấp thuận giữ nguyên chức năng nhà ở xã hội đối với dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Trung Văn mở rộng tại phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất kinh doanh nêu trên tại ngày 31/12/2020, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 06: Trong năm 2019 công ty đã thực hiện thoái vốn khoản đầu tư vào công ty CP Xây dựng Phúc Hưng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2020 Công ty vẫn chưa thu được khoản tiền chuyển nhượng này. Theo Biên bản làm việc ngày 15/4/2020 giữa ông Đào Văn Chiến và Công ty CP Thương mại Hà Tây: Ông Đào Văn Chiến phải có trách nhiệm thu hồi khoản tiền chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phúc Hưng. Số tiền là 30 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không
- Trong năm 2020, công ty có thực hiện chuyển nhượng 500.000 CP của Tổng công ty Cổ phần Linh Dương, số tiền thu được là 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, trên Hợp đồng chuyển nhượng giữa công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây với người mua chưa có xác nhận chuyển nhượng cổ phần của Tổng công ty cổ phần Linh Dương.
- Tại thời điểm 31/12/2020 chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số dư tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TPP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 0739-2018-133-1

**Kiểm toán viên**

**Phạm Thu Hà**

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 0570- 2018-133-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31/12/2020**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53.701.096.801</b>	<b>53.042.359.648</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>1.066.286.749</b>	<b>2.943.762.907</b>
1. Tiền	111		1.066.286.749	2.943.762.907
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.273.944.732</b>	<b>48.297.469.536</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	3.713.128.642	13.572.621.124
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	25.199.538.451	11.371.699.969
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		12.690.900	12.690.900
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6a	31.275.264.280	31.102.135.084
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(7.926.677.541)	(7.761.677.541)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.762.115.563	6.762.115.563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(6.762.115.563)	(6.762.115.563)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>360.865.320</b>	<b>1.801.127.205</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	-	1.654.321.319
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		360.865.320	146.805.886
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>204.411.244.383</b>	<b>214.193.575.638</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>47.072.490.000</b>	<b>47.707.954.612</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6b	47.247.014.000	47.882.478.612
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(174.524.000)	(174.524.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.617.034.436</b>	<b>5.718.215.119</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.511.457.838	5.595.892.521
- Nguyên giá	222		6.015.617.818	8.175.617.818
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.504.159.980)	(2.579.725.297)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	105.576.598	122.322.598
- Nguyên giá	228		167.460.000	167.460.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(61.883.402)	(45.137.402)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>74.268.127.102</b>	<b>76.313.813.062</b>
- Nguyên giá	231		81.827.438.379	81.827.438.379
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(7.559.311.277)	(5.513.625.317)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>79.453.592.845</b>	<b>79.453.592.845</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		79.453.592.845	79.453.592.845
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	-	5.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>258.112.341.184</b>	<b>267.235.935.286</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>99.586.943.992</b>	<b>95.580.445.788</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.399.832.083</b>	<b>94.767.274.879</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	3.867.422.985	4.480.181.917
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.971.154.141	1.514.484.569
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	18.092.873.112	17.445.853.114
4. Phải trả người lao động	314		288.448.706	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	12.391.846.035	6.130.655.952
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		352.969.200	352.969.200
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	16.752.682.097	18.347.068.198
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20a	45.681.950.807	46.495.576.929
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		485.000	485.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>187.111.909</b>	<b>813.170.909</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19b	187.111.909	26.170.909
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20b	-	787.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>158.525.397.192</b>	<b>171.655.489.498</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>158.525.397.192</b>	<b>171.655.489.498</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		89.952.229	89.952.229
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.265.468	21.265.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.585.820.505)	(28.455.728.199)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.455.728.199)	(220.378.047)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.130.092.306)	(28.235.350.152)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>258.112.341.184</b>	<b>267.235.935.286</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Hải

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đào Văn Chiến

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	6.613.216.137	22.290.210.819
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.613.216.137	22.290.210.819
4. Giá vốn hàng bán	11	22	7.325.671.528	28.041.556.844
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(712.455.391)	(5.751.346.025)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	121.551	566.788
7. Chi phí tài chính	22	24	6.550.905.382	4.050.080.705
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.545.610.461	4.050.080.705
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	4.172.505.652	11.177.227.996
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(11.435.744.874)	(20.978.087.938)
11. Thu nhập khác	31	26	119.531.133	119.695.119
12. Chi phí khác	32	27	1.813.878.565	7.376.957.333
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.694.347.432)	(7.257.262.214)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(13.130.092.306)	(28.235.350.152)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(13.130.092.306)	(28.235.350.152)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(656,50)	(1.411,77)

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Hải

Tổng Giám đốc



Đào Văn Chiến

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế		(13.130.092.306)	(28.235.350.152)
2. Điều chỉnh cho các khoản	01	9.607.355.553	21.294.816.312
+ Khấu hao tài sản cố định	02	3.006.866.643	3.446.443.544
+ Các khoản dự phòng	03	165.000.000	13.037.010.475
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(110.121.551)	761.281.588
+ Chi phí lãi vay	06	6.545.610.461	4.050.080.705
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.522.736.753)	(6.940.533.840)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.720.070.018)	(23.497.752.191)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	29.963.800.000
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(770.065.757)	(1.742.444.509)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.654.321.319	93.238.175
- Tiền lãi vay đã trả	13	(168.420.378)	(98.038.320)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	(6.526.971.587)	(4.721.730.685)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và sản dài hạn khác	22	1.250.000.000	4.950.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	121.551	566.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.250.121.551	4.950.566.788
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.600.626.122)	(243.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	(1.600.626.122)	(243.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.877.476.158)	(14.163.897)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.943.762.907	2.957.926.804
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.066.286.749	2.943.762.907

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Hải

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Đào Văn Chiến

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận và được đọc cùng báo cáo Tài chính)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây (“Công ty”) tiền thân là Công ty vật liệu Điện máy và Chất đốt Hà Tây, được thành lập tháng 10 năm 1991. Đến tháng 10 năm 2003, Công ty Vật liệu Điện máy và Chất đốt Hà Tây được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0303000111 ngày 23/10/2003 và được thay đổi số 0500443384 ngày 16/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 15 ngày 17/7/2018.

Vốn pháp định của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 6.000.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn) tương đương 20.000.000 CP, mệnh giá 10.000 VND/CP.

Tổng số cán bộ nhân viên công ty là: 30 người.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower, số 89 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### **1.2. Giả định hoạt động liên tục:**

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của công ty là 41.585.820.505 VND; Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của công ty chủ yếu là số dư nợ Ngân sách nhà nước là: 18.092.873.112 VND; Nợ gốc vay ngân hàng: 45.681.950.807 VND; lãi vay Ngân hàng ước tính: 12.391.846.035 VND. Các điều kiện này có thể tạo nên yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của công ty. Công ty đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của hợp đồng vay cũng như việc xử lý các tài sản thế chấp để thanh toán nợ vay. Do đó, công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn. Dựa trên cơ sở này, Ban Giám đốc công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính được lập chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

### **1.3. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng, Bất động sản, kinh doanh thương mại và các hoạt động khác.

### **1.4. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh Bất động sản, nhà ở, cho thuê nhà, văn phòng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Sàn giao dịch Bất động sản);
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác đá, cát. Sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- .....

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.6. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty mẹ khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019, hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

### **2.7. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **2.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **2.9. Tài sản cố định**

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- TSCĐ vô hình khác	03- 10 năm

### **2.10. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân



bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.11. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **2.12. Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **2.14. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.15. Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **2.16. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ và được thay thế bởi Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Cục thuế tỉnh Hậu Giang đã có công văn số 774/CT-TTHT ngày 17 tháng 05 năm 2017 về việc ưu đãi thuế TNDN, theo đó nếu Công ty đáp ứng các điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 18 thông tư số 123/2012/TT-BTC thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về địa bàn đối với thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **2.17. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## **2.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

---

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**3. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	1.030.121.359	2.895.571.309
- Tiền gửi tại ngân hàng	36.165.390	48.191.598
<b>Cộng</b>	<b>1.066.286.749</b>	<b>2.943.762.907</b>

**4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Ông Nguyễn Tuấn Anh	600.000.000	9.600.000.000
Khách hàng mua nhà Trần Phú	1.372.000.100	1.372.000.100
Các khách hàng khác	1.741.128.542	2.600.621.024
<b>Cộng</b>	<b>3.713.128.642</b>	<b>13.572.621.124</b>

Đơn vị tính: VND

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	-	6.616.404.366
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch Việt Nam	843.324.430	843.324.430
Cửa hàng XD Vân Phi	740.230.000	740.230.000
Công ty CP Xây dựng khu Nam Hà Nội	1.215.803.761	1.215.803.761
Công ty CPXD và DV TM Dũng Hằng (1)	14.000.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch Nhật Minh (2)	6.672.904.366	
Các khách hàng khác	1.727.275.894	1.955.937.412
<b>Cộng</b>	<b>25.199.538.451</b>	<b>11.371.699.969</b>

Đơn vị tính: VND

(1): Đây là khoản ứng trước cho Công ty CP Xây Dựng và TMDV Dũng Hằng v/v lắp đặt và mua sắm nội thất văn phòng theo hợp đồng số 220520/HĐKT/HTT-DH ngày 22/5/2020, tổng giá trị hợp đồng là 14.006.861.000 VND

(2): Đây là khoản ứng trước cho Công ty CP Đầu tư Thương mại và du lịch Nhật Minh v/v mua sắm đồ dùng nhà bếp và các thiết bị phòng khách sạn theo hợp đồng số 020420/HĐMB ngày 02/4/2020, tổng giá trị hợp đồng là 6.703.187.700 VND

**6. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>31.275.264.280</b>	<b>(972.143.630)</b>	<b>31.102.135.084</b>	<b>(972.143.630)</b>
- Phải thu khác	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
+ Ông Đào Văn Chiến (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
+ Phải thu khác	1.275.264.280	(972.143.630)	1.102.135.084	(972.143.630)
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b. Dài hạn</b>	<b>47.247.014.000</b>	<b>(174.524.000)</b>	<b>47.882.478.612</b>	<b>(174.524.000)</b>
- Phải thu khác (*)	47.247.014.000	(174.524.000)	47.882.478.612	(174.524.000)
<b>Cộng</b>	<b>78.522.278.280</b>	<b>(1.146.667.630)</b>	<b>78.984.613.696</b>	<b>(1.146.667.630)</b>

(\*) Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Phong Minh (Đổi tên từ công ty TNHH Phát triển Rừng Chiến Thắng ) (2)	47.072.490.000	47.072.490.000
Các khoản phải thu khác	174.524.000	809.988.612
<b>Cộng</b>	<b>47.247.014.000</b>	<b>47.882.478.612</b>

(1): Ông Đào Văn Chiến nhận nợ về khoản phải thu về tiền bán cổ phần Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phúc Hưng

(2): Công ty TNHH MTV Rừng Chiến Thắng được đổi tên thành công ty TNHH MTV Xây dựng Phong Minh từ ngày 23/06/2020.

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty CP thương mại Hà Tây và công ty TNHH Rừng Chiến Thắng (nay đã đổi tên thành công ty TNHH MTV Xây dựng Phong Minh): Công ty CPTM Hà Tây đồng ý góp vào công ty TNHH Phát triển Rừng Chiến Thắng, số tiền là: 65 tỷ đồng để thực hiện phối hợp trồng cây lâm nghiệp.

Công ty TNHH MTV Xây dựng Phong Minh có trụ sở tại bản Nậm Đanh, xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu do ông Đào Văn Chiến làm Giám đốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Số dư với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Phong Minh	Tổng Giám đốc Công ty CP thương Mại Hà Tây là Giám đốc công ty TNHH MTV Xây dựng Phong Minh	47.072.490.000	47.072.490.000
Ông Đào Văn Chiến	Chủ tịch HĐQT kiêm đại diện trước PL	30.000.000.000	30.000.000.000

**7. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bà Nguyễn Thị Thanh	364.758.482	-	364.758.482	-
Khách hàng số 7 Trần Phú, Hà Đông	1.372.000.100	-	1.372.000.100	-
Ông Nguyễn Văn Ánh	126.378.556	-	126.378.556	-
Ông Nguyễn Quốc Hào	174.524.000	-	174.524.000	-
Nguyễn Tuấn Anh	600.000.000	420.000.000	-	-
Công ty CP nước sạch và môi trường Nam Việt	171.105.000	-	171.105.000	-
Công ty CP PT công nghệ Siêu Việt	121.258.302	-	121.258.302	-
Công ty cp xây dựng khu nam Hà Nội	1.215.803.761	-	1.215.803.761	-
Cửa hàng vật liệu xây dựng Vân Phi	740.230.000	-	740.230.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng du lịch VN	843.324.430	-	843.324.430	-
Công ty TNHH MTV SPT Lạng Sơn	171.000.000	-	171.000.000	-
Các khách hàng khác	2.620.818.910	-	2.635.818.910	-
<b>Cộng</b>	<b>8.521.201.541</b>	<b>420.000.000</b>	<b>7.936.201.541</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	6.762.115.563	(6.762.115.563)	6.762.115.563	(6.762.115.563)
<b>Cộng</b>	<b>6.762.115.563</b>	<b>(6.762.115.563)</b>	<b>6.762.115.563</b>	<b>(6.762.115.563)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 6.762.115.563 VND

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thiết bị dụng cụ quản lý	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải (*)	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm		5.965.617.818	2.160.000.000	50.000.000	8.175.617.818
Số giảm trong kỳ	-	-	2.160.000.000	-	2.160.000.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			2.160.000.000		2.160.000.000
Số dư cuối kỳ	-	5.965.617.818	-	50.000.000	6.015.617.818
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm		1.742.113.688	810.000.000	27.611.609	2.579.725.297
Số tăng trong kỳ	-	712.046.292	210.000.000	22.388.391	944.434.683
- Khấu hao trong kỳ		712.046.292	210.000.000	22.388.391	944.434.683
Số giảm trong kỳ	-	-	1.020.000.000	-	1.020.000.000
- Thanh lý, nhượng bán			1.020.000.000		1.020.000.000
Số dư cuối kỳ	-	2.454.159.980	-	50.000.000	2.504.159.980
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	4.223.504.130	1.350.000.000	22.388.391	5.595.892.521
Tại ngày cuối kỳ	-	3.511.457.838	-	-	3.511.457.838

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của TSCĐ HH dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho khoản vay: 0 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

## 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm khác	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm		167.460.000		167.460.000
Số dư cuối kỳ		167.460.000		167.460.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm		45.137.402		45.137.402
Số tăng trong kỳ	-	16.746.000	-	16.746.000
- Khấu hao trong kỳ		16.746.000		16.746.000
Số dư cuối kỳ		61.883.402		61.883.402
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	122.322.598	-	122.322.598
Tại ngày cuối kỳ	-	105.576.598	-	105.576.598

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay: 0 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

## 11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Sàn TM tháp A, B Trần Phú	Tầng hầm Số 7 Trần Phú	Tầng sảnh C - Số 7 Trần Phú	Sàn TM+ hầm 89 Phùng Hưng	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	26.095.967.874	2.579.034.724	1.466.319.480	51.686.116.301	81.827.438.379
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	26.095.967.874	2.579.034.724	1.466.319.480	51.686.116.301	81.827.438.379
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.928.455.859	332.872.671	350.552.884	1.901.743.903	5.513.625.317
Số tăng trong kỳ	732.113.956	64.475.868	36.657.988	1.212.438.148	2.045.685.960
- Khấu hao trong kỳ	732.113.956	64.475.868	36.657.988	1.212.438.148	2.045.685.960
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.660.569.815	397.348.539	387.210.872	3.114.182.051	7.559.311.277
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	23.167.512.015	2.246.162.053	1.115.766.596	49.784.372.399	76.313.813.062
Tại ngày cuối kỳ	22.435.398.059	2.181.686.185	1.079.108.608	48.571.934.251	74.268.127.102

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của TSCĐ BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay: 44.332.324.274 VND.



**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	79.453.592.845	79.453.592.845
- Dự án khu đô thị mới Trung Văn mở rộng	79.453.592.845	79.453.592.845
<b>Cộng</b>	<b>79.453.592.845</b>	<b>79.453.592.845</b>

**- Dự án khu đô thị mới Trung Văn mở rộng:**

Dự án Khu đô thị mới Trung Văn mở rộng tại phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội do liên danh : Công ty CP Đầu tư - Xây dựng, Công ty CP Thương mại Hà Tây và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phúc Hưng cùng hợp tác thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 69/2015/HĐHTĐT ngày 20/7/2015.

Theo Hợp đồng: Công ty CP Thương mại Hà Tây và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phúc Hưng thực hiện triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến việc xây dựng công trình A4 (Phần diện tích 2.532 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng là: 32.090,4m<sup>2</sup>).

Tổng mức đầu tư của dự án là 2.174.505.000.000 đồng, trong đó Công ty CP Thương mại Hà Tây góp 126 tỷ đồng.

Dự án có tổng diện tích đất xây dựng là 23.463,8m<sup>2</sup>; tổng diện tích sàn xây dựng là: 209.342,3m<sup>2</sup> bao gồm 3 lô đất được sử dụng để xây dựng các công trình cao tầng và khu văn phòng nằm trong ô quy hoạch số 90 thuộc xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Dự án nằm trong khu đất Phía Tây Bắc giáp đường Lê Văn Lương kéo dài, phía Đông Bắc giáp đường quy hoạch và Khu đô thị mới Trung Văn, Phía Nam giáp đường và khu dân cư.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án đã thực hiện là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng.

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng công ty Cổ phần Linh Dương (*)	-	-	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>5.000.000.000</b>	-

(\*) Trong 6 tháng đầu năm 2020 công ty đã thực hiện chuyển nhượng 500.000 Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Linh Dương cho ông Đồng Quang Huy theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 01/06/2020 và đã thu tiền trong tháng 6/2020, số tiền 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hợp đồng chuyển nhượng chưa có xác nhận của Tổng công ty cổ phần Linh Dương.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a. Ngắn hạn**

- Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn

**Cộng****Số cuối năm****VND****Số đầu năm****VND**

-

1.654.321.319

-

**1.654.321.319****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****Số cuối năm**

Đơn vị tính: VND

**Số đầu năm****Giá trị Số có khả năng trả  
nợ****Giá trị Số có khả năng trả  
nợ**Công ty CP ĐT XD &  
TM Hùng Cường

425.034.470

\*

425.034.470

\*

Công ty TNHH thang  
máy HUYNDAI Thành  
Công Việt Nam

935.497.000

\*

935.497.000

\*

Các khách hàng khác

2.506.891.515

\*

3.119.650.447

\*

**Cộng****3.867.422.985**

-

**4.480.181.917**

-

(\*): Đơn vị không thể đưa ra ước tính về số dư phải trả có khả năng trả nợ do công ty đang trong quá trình tái cơ cấu về tổ chức kinh doanh và quản lý tài chính.

**b. Nợ quá hạn****Số cuối năm****VND****Số đầu năm****VND**

Công ty TNHH thang máy HUYNDAI Thành Công VN

935.497.000

935.497.000

Công ty CP ĐT XD &amp; TM Hưng Cường

425.034.470

425.034.470

Công ty TNHH Thương mại XD Sắt Thép Hà Ngân

356.400.000

356.400.000

Công ty CP tư vấn thiết kế &amp; XD Vũ Gia

165.244.400

165.244.400

Công ty CPTM &amp; DV giống cây trồng LN Đồng Mô

121.282.000

121.282.000

Công ty TNHH TM và XD Thu Ngân

108.504.912

108.504.912

Công ty CP ĐT TM &amp; PT Công Nghệ FSI

56.985.530

56.985.530

Các khách hàng khác

596.521.024

596.521.024

**Cộng****1.829.972.336****1.829.972.336**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nơ	Giá trị	Số có khả năng trả nơ
Ban quản lý số 7 Trần Phú	1.671.509.141		1.514.484.569	
Khách hàng khác	299.645.000	299.645.000		-
<b>Cộng</b>	<b>1.971.154.141</b>	<b>299.645.000</b>	<b>1.514.484.569</b>	<b>-</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT phải nộp	376.829.275	645.260.006	-	1.022.089.281
Thuế TNDN	2.154.261.840		-	2.154.261.840
Thuế khác				-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	14.914.761.999	1.009.849.399	1.008.089.407	14.916.521.991
<b>Cộng</b>	<b>17.445.853.114</b>	<b>1.655.109.405</b>	<b>1.008.089.407</b>	<b>18.092.873.112</b>

(\*) Là khoản tiền thuế và các khoản phạt chậm nộp NSNN theo Thông báo số 300357/TB - CT ngày 14/12/2019 của Tổng Cục thuế

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Lãi vay phải trả	12.391.846.035	6.014.655.952
- Chi phí khác		116.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.391.846.035</b>	<b>6.130.655.952</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>16.752.682.097</b>	<b>18.347.068.198</b>
- Bảo hiểm xã hội	223.414.778	61.340.224
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	617.861.092	617.861.092
- Phải trả, phải nộp khác (*)	15.911.406.227	17.667.866.882
<b>b. Dài hạn</b>	<b>187.111.909</b>	<b>26.170.909</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	187.111.909	26.170.909
<b>Cộng</b>	<b>16.939.794.006</b>	<b>18.373.239.107</b>

(\*) : Chi tiết số dư Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Ông Đào Văn Chiến	-	1.995.287.617
- Phải trả BQT số 7 TP và 89 PH (Phí bảo trì )	9.954.217.194	9.954.217.194
- Phải trả, phải nộp khác	5.957.189.033	5.718.362.071
<b>Cộng</b>	<b>15.911.406.227</b>	<b>17.667.866.882</b>

(\*) Đối với các khoản phải trả khác, đơn vị không thể đưa ra ước tính về số dư phải trả có khả năng trả nợ do công ty đang trong quá trình tái cơ cấu về tổ chức kinh doanh.

*Phải trả các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Đào Văn Chiến	Chủ tịch HĐQT/Tổng GD	-	1.995.287.617
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>1.995.287.617</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,  
Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>787.000.000</b>	<b>787.000.000</b>	<b>787.000.000</b>
- Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</i>	-	-	-	<i>787.000.000</i>	<i>787.000.000</i>	<i>787.000.000</i>
<b>b. Vay ngắn hạn</b>	<b>45.681.950.807</b>	-	-	<b>813.626.122</b>	<b>46.495.576.929</b>	-
- Vay ngân hàng	45.681.950.807	-	-	813.626.122	46.495.576.929	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông, chi nhánh Hà Nội, PGD Tràng An (1)</i>	<i>8.881.950.807</i>	<i>(*)</i>	-	<i>813.626.122</i>	<i>9.695.576.929</i>	<i>(*)</i>
<i>Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN (2)</i>	<i>28.900.000.000</i>	<i>(*)</i>	-	-	<i>28.900.000.000</i>	<i>(*)</i>
<i>Ngân hàng BIDV Thăng Long (3)</i>	<i>7.900.000.000</i>	<i>(*)</i>	-	-	<i>7.900.000.000</i>	<i>(*)</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.681.950.807</b>	-	-	<b>1.600.626.122</b>	<b>47.282.576.929</b>	<b>787.000.000</b>

(\*): Các khoản vay này đã quá hạn thanh toán và công ty đang đàm phán lại với các Ngân hàng để điều chỉnh lại thời hạn thanh toán.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**(\*) Chi tiết hợp đồng vay**

**(1) Ngân hàng TMCP Phương Đông - chi nhánh Hà Nội**

Hợp đồng tín dụng số 0001/2018/HĐTDHM ngày 08/1/2018

- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND

- Thời hạn cho vay: 12 tháng

- Lãi suất cho vay: Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn để thực hiện dự án tòa nhà hỗn hợp Trung tâm dịch vụ thương mại và nhà ở tại số 89 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp là BĐS tại thửa 682 tờ bản đồ số 07 ở địa chỉ Thôn An Thọ, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội và tài sản gắn liền; BĐS tại thửa 86-3 tờ bản đồ số 4 ở địa chỉ tổ 4, phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền; 4 sàn TTTM và văn phòng giao dịch tại số 7 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội; 5 sàn thương mại thuộc dự án tại 89 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội.

- Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là: 8.881.950.807 VND.

Đến thời điểm 31/12/2020 khoản vay này đã quá hạn thanh toán.

**(2) Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN Mỹ Đình**

Hợp đồng tín dụng số 1410-LAV201800162 ngày 13/04/2018

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND

- Thời hạn cho vay: 12 tháng (kể từ ngày 13/04/2018)

- Lãi suất cho vay: Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Lãi suất áp dụng đến thời điểm 30/06/2018 là: 8,5%

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2018 - 2019

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây tại địa chỉ: 3B02 - TTTM và văn phòng giao dịch; tòa nhà đa năng dịch vụ thương mại và nhà ở - số 7 Trần Phú, P.C540 Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội và 201- Tầng 2 - dịch vụ, văn phòng, nhà trẻ - tòa nhà hỗn hợp trung tâm dịch vụ thương mại và nhà ở - số 89 Phùng Hưng, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.

- Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020: 28.900.000.000 VND

Đến thời điểm 31/12/2020 khoản vay này đã quá hạn thanh toán.

**(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Thăng Long**

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/177909/HĐTD ngày 23/5/2017

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND

- Thời hạn cho vay: 12 tháng

- Lãi suất cho vay: Ghi theo kế ước nhận nợ

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp là công trình 3B-01 trung tâm thương mại và văn phòng giao dịch 624,7m2 thuộc tòa nhà đa năng dịch vụ Thương mại và nhà ở tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 51-57, ở địa chỉ số 7 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

- Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020: 7.900.000.000 VND

Đến thời điểm 31/12/2020 khoản vay này đã quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,  
Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	89.952.229	21.265.468	(220.378.047)	199.890.839.650
- Lãi trong năm trước	-	-	-	(28.235.350.152)	(28.235.350.152)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	89.952.229	21.265.468	(28.455.728.199)	171.655.489.498
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	89.952.229	21.265.468	(28.455.728.199)	171.655.489.498
- Lỗ trong năm	-	-	-	(13.130.092.306)	(13.130.092.306)
Số cuối năm	200.000.000.000	89.952.229	21.265.468	(41.585.820.505)	158.525.397.192

**Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước		
- Vốn góp của cổ đông khác	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu quỹ		
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>		
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/cổ phiếu	

**21. DOANH THU**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.613.216.137</b>	<b>22.290.210.819</b>
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.613.216.137	9.014.939.305
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản		13.275.271.514

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	7.325.671.528	14.004.436.954
- Giá vốn BĐS đã bán		14.037.119.890
<b>Cộng</b>	<b>7.325.671.528</b>	<b>28.041.556.844</b>



**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	121.551	566.788
<b>Cộng</b>	<b>121.551</b>	<b>566.788</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lãi tiền vay	6.545.610.461	4.050.080.705
- Chi phí khác	5.294.921	
<b>Cộng</b>	<b>6.550.905.382</b>	<b>4.050.080.705</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.636.737	-
- Chi phí nhân công	1.673.162.057	2.377.776.351
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	944.434.683	390.422.777
- Thuế, phí, lệ phí	32.431.225	14.790.156
- Phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ	77.393.051	136.147.758
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.053.862	1.141.583.588
- Chi phí khác bằng tiền	560.394.037	841.612.454
- Chi phí dự phòng	180.000.000	6.274.894.912
<b>Cộng</b>	<b>4.172.505.652</b>	<b>11.177.227.996</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	110.000.000	-
- Các khoản khác	9.531.133	119.695.119
<b>Cộng</b>	<b>119.531.133</b>	<b>119.695.119</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phạt thuế	1.784.527.565	1.912.226.286
- Chi phí các công trình đã quyết toán		4.982.000.000
- Các khoản khác (chi phí không hợp lệ)	29.351.000	482.731.047
<b>Cộng</b>	<b>1.813.878.565</b>	<b>7.376.957.333</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(13.130.092.306)	(28.235.350.152)
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.813.878.565</b>	<b>7.423.623.999</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	1.813.878.565	7.423.623.999
Lợi nhuận chịu thuế	(14.943.970.871)	(35.658.974.151)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	-	-

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(13.130.092.306)	(28.235.350.152)
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(13.130.092.306)	(28.235.350.152)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(656,50)</b>	<b>(1.411,77)</b>

**30. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.636.737	151.189.599
- Chi phí nhân công	1.673.162.057	2.377.776.351
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.006.866.643	3.446.443.544
- Thuế, phí, lệ phí	32.431.225	14.790.156
- Phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ	77.393.051	136.147.758
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.053.862	5.465.480.496
- Chi phí khác bằng tiền	560.394.037	841.612.454
- Chi phí dự phòng	180.000.000	6.274.894.912
	<b>6.234.937.612</b>	<b>18.708.335.270</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.066.286.749		2.943.762.907	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.235.406.922	(7.926.677.541)	92.557.234.820	(7.761.677.541)
<b>Cộng</b>	<b>83.301.693.671</b>	<b>(7.926.677.541)</b>	<b>95.500.997.727</b>	<b>(7.761.677.541)</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	45.681.950.807	47.282.576.929
Phải trả người bán, phải trả khác	20.807.216.991	22.853.421.024
Chi phí phải trả	12.391.846.035	6.130.655.952
<b>Cộng</b>	<b>78.881.013.833</b>	<b>76.266.653.905</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Đơn vị tính: VND

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.066.286.749			1.066.286.749
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.988.392.922	47.247.014.000		82.235.406.922
<b>Cộng</b>	<b>36.054.679.671</b>	<b>47.247.014.000</b>	<b>-</b>	<b>83.301.693.671</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.943.762.907			2.943.762.907
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.674.756.208	47.882.478.612		92.557.234.820
<b>Cộng</b>	<b>47.618.519.115</b>	<b>47.882.478.612</b>	<b>-</b>	<b>95.500.997.727</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	45.681.950.807	-		45.681.950.807
Phải trả người bán, phải	20.620.105.082	187.111.909		20.807.216.991
Chi phí phải trả	12.391.846.035			12.391.846.035
<b>Cộng</b>	<b>78.693.901.924</b>	<b>187.111.909</b>	<b>-</b>	<b>78.881.013.833</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	46.495.576.929	787.000.000		47.282.576.929
Phải trả người bán, phải	22.827.250.115	26.170.909		22.853.421.024
Chi phí phải trả	6.130.655.952			6.130.655.952
<b>Cộng</b>	<b>75.453.482.996</b>	<b>813.170.909</b>	<b>-</b>	<b>76.266.653.905</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020.

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Nội dung	Hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD bất động sản	Cộng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	6.613.216.137	-	6.613.216.137
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>-</b>	<b>6.613.216.137</b>	<b>-</b>
Chi phí bộ phận	7.325.671.528	-	7.325.671.528
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>-</b>	<b>(712.455.391)</b>	<b>-</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>4.172.505.652</b>
Lợi nhuận từ hoạt động KD	-		(4.884.961.043)
Doanh thu hoạt động TC	-		121.551
Chi phí tài chính	-		6.550.905.382
Thu nhập khác	-		119.531.133
Chi phí khác	-		1.813.878.565
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>(13.130.092.306)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****34.1 - Thu nhập của Hội đồng quản trị****Năm 2020****VND**

Thu nhập của HĐQT, BGĐ và Ban kiểm soát

214.181.399

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã thuyết minh tại các thuyết minh liên quan nêu trên, trong năm công ty còn phát sinh các giao dịch sau:

**34.2 - Giao dịch với các bên liên quan**

Tên đơn vị	Mối quan hệ	Số tiền
Ông Đào Văn Chiến	Chủ tịch HĐQT	
Tổng công ty CP Linh Dương	Đơn vị HTT góp vốn đầu tư	
Công ty CP Bạch Đằng 10	Cùng chủ tịch HĐQT	
<b>Giao dịch phát sinh:</b>		
Ông Đào Văn Chiến	Cho công ty vay/mượn	1.142.046.500
	Công ty trả tiền vay/mượn	3.137.334.117
Công ty CP Bạch Đằng 10	Trả lại tiền cho công ty	6.616.404.366
Tổng công ty CP Linh Dương	Thoái vốn	5.000.000.000

**35. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Công ty là 41.585.820.505 VND, nợ phải trả ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn là: 45.698.735.282 VND. Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty chủ yếu là số dư nợ Ngân sách nhà nước là 18.092.873.112 VND; Nợ gốc vay ngân hàng là 45.681.950.807 VND; lãi vay Ngân hàng ước tính phải trả là 12.391.846.035 VND và các khoản nợ phải trả khác.

Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cấu trúc các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ TÂY**

Tầng 2, Tòa nhà HTT Tower,

Số 89 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2019 đã được công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Tuyền**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Ngọc Hải**



**Tổng Giám đốc**

**Đào Văn Chiến**